TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/DS-ST
Ngày: 27/11/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Bùi Viết Tiến.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Bùi Tấn Ba;
2/ Ông Nguyễn Văn Thạch.
- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thành Duy – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi *tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Tấn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 27/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2018/TLST-DS, ngày 30/7/2018 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2018/QĐXX-ST ngày 16/11/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: vợ chồng chị Trần Thị Th, sinh năm 1975 và anh Võ Phú Ph, sinh năm 1972;

Đều cùng cư trú: xóm N, thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Q.

Bị đơn: vợ chồng chị Cao Thị N, sinh năm 1968 và anh Phạm Th, sinh năm 1967.

Đều cùng cư trú: xóm N, thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Q.

Các đương sự, nguyên đơn vợ chồng chị Trần Thị Th, anh Võ Phú Ph, bị đơn vợ chồng chị Cao Thị Ng, anh Phạm Th (Đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2018, bản khai ngày 30/7/2017, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12/9/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn vợ chồng chị Trần Thị Th, anh Võ Phú Ph trình bày có nội dung thống nhất như sau:

Giữa vợ chồng chị Trần Thị Th, anh Võ Phú Ph và vợ chồng chị Cao Thị Ng, anh Phạm Th là chỗ thân quen, giao dịch tin tưởng nhau nên vợ chồng chị Ng và

anh Th đặt vấn đề vay tiền của vợ chồng chị Th, anh Ph để về cho vay lại với mức lãi suất cao hơn để hưởng tiền chênh lệch, thời gian và số tiền vay cụ thể như sau:

Ngày 26/4/2016 âm lịch vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); ngày 19/5/2016 âm lịch vay 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng); ngày 21/6/2016 âm lịch vay 15.000.000đồng (Mười năm triệu đồng). Tổng cộng 65.000.000đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

Khi vay vợ chồng chị Ng, anh Th hứa bằng miệng sẽ trả tiền lãi suất hàng tháng cho vợ chồng chị Th, anh Ph theo thỏa thuận là 2%/tháng và sẽ trả lại tiền gốc cho vợ chồng chị Th, anh Ph khi nào vợ chồng chị Th, anh Ph yêu cầu trả. Nhưng sau khi mượn xong vợ chồng chị Ng, anh Th chỉ trả tiền lãi cho vợ chồng chị Th, anh Ph được vài tháng, sau đó không trả nữa. Đến khi cần tiền, vợ chồng chị Th, anh Ph nhiều lần đến nhà vợ chồng chị Ng, anh Th đòi nợ nhưng vợ chồng chị Ng, anh Th chỉ trả được 3.000.000đồng (Ba triệu đông), còn nợ lại 62.000.000đồng (Sáu mươi hai triệu đồng).

Nay vợ chồng chị Th, anh Ph yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Ng, chị Th trả nợ gốc cho vợ chồng anh, chị 62.000.000đồng (Sáu mươi hai triệu đồng).

* Theo bản tự khai của bị đơn chị Cao Thi Ng ngày 21/8/2018 trình bày:

Vào ngày 26/4/2016 âm lịch, vì là chỗ quen biết chị Cao Thị Ng có vay của vợ chồng chị Trần Thị Th, anh Võ Phú Ph với số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triêu đồng), đến ngày 19/5/2016 âm lịch chị Ng tiếp tục vay của chị Th 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), khoản vay này chồng chị là anh Phạm Th có ký tên trong giấy vay tiền, đến ngày 21/6/2016 chị Ng tiếp tục vay của vợ chồng chị Th, anh ph 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng). Việc vay mượn hai bên có viết giấy tay nhưng không thỏa thuận thời gian trả nợ. Riêng số tiền vay ngày 19/5/2016 hai bên thỏa thuận một tháng sẽ trả lại số tiền đã vay. Khi vay tiền chị Ng và chị Th thỏa thuận với nhau bằng miệng, mức lãi suất 2%/tháng, hàng tháng chị Ng có trách nhiệm trả tiền lãi cho chị Th, khi nào chị Th cần số tiền gốc chị Ng sẽ trả tiền gốc cho chị Th.

Mục đích vay tiền của chị Ng là để cho các chị em ở chợ xã B, huyện B vay lại với lãi suất cao hơn để kiếm chênh lệch nhằm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của giai đình. Tuy nhiên, đến tháng 9/2016 những người chị Ng cho vay không có tiền trả lại cho chị dẫn đến việc chị không có tiền để trả lại cho chị Th. Từ khi vay tiền, mỗi tháng chị Ng có trả tiền lãi 2.600.000đồng cho chị Th, chị trả đến hết tháng 3/2017.

Nay vợ chồng chị Trần Thị Th, anh Võ Phú Ph khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả 62.000.000đồng (Sáu mươi hai triệu đồng) nợ gốc, chị Ng đồng ý có vay của vợ chồng chị Th, anh Ph 62.000.000đồng (Sáu mươi hai triệu đồng) tiền gốc, chị Ng và anh Th đồng ý có nợ số tiền nói trên nhưng do hiện nay gia đình của vợ chồng anh, chị đang gặp khó khăn nên chị yêu cầu được trả hàng tháng 900.000đồng (Chín trăm nghìn đồng) cho đến khi hết nợ.

- Riêng anh Phạm Th Tòa án đã tống đạt các giấy tờ cho anh đúng theo quy ddihj của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh Th không đến Tòa án để trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B về nội dung vụ án như sau:

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về nội dung vụ án như sau:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký giúp việc cho Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn: nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc chấp hành pháp luật của bị đơn: từ khi có đơn khởi kiện gửi đến tòa án B, được Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị đơn anh Phạm Th không chấp hành đầy đủ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (Ông Phạm Th vắng mặt ở phiên hòa giải và công khai chứng cứ).

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của nguyên đơn.

- Về án phí dân sự: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc vợ chồng anh Phạm Th và chị Cao Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh Nguyễn Th nhiều lần đến Tòa án để làm việc, cũng như tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh không đến Tòa án, tại phiên tòa hôm nay anh Phạm Th có mặt nên Hội đồng xét xử có cơ sở để xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa hôm nay hai bên đương sự đã thừa nhận, chị Cao Thị Ng có vay của vợ chồng chị Trần Thị Th, anh Võ Phú Ph vào các ngày 26/4/2016 âm lịch 30.000.000 đồng (Ba mươi triêu đồng), ngày 21/6/2016 âm lịch

15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng); ngày 19/5/2016 âm lịch vợ chồng chị Cao Thị Ng, anh Phạm Th vay của vợ chồng chị Trần Thị Th, anh Võ Phú Ph 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng), khi vay mượn hai bên có viết giấy vay mượn (Bút lục 16, 16a, 17), thời gian sau vợ chồng chị Ng, anh Th đã trả được 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Hiện nay, chồng chị Ng, anh Th còn nợ vợ chồng chị Th, anh Ph 62.000.000đồng (Sáu mươi hai triệu đông).

[2.1] Theo vợ chồng chị Cao Thị Ng, anh Phạm Th, vợ chồng anh chị còn nợ vợ chồng chị Trần Thị Th, anh Võ Phú Ph 62.000.000đồng (Sáu mươi hai triệu đông), vợ chồng anh chị đồng ý trả nợ nhưng cho vợ chồng anh chị trả dần mỗi tháng trả 900.000đồng (Chín trăm nghìn đồng) nhưng vợ chồng chị Th, anh Ph không đồng ý, vợ chồng anh chị yêu cầu vợ chồng chị Ng, anh Th trả một lần.

[2.2] Căn cứ vào các giấy vay nói trên và lời trình bày của vợ chồng chị Ng, anh Th tại phiên tòa có nội dung thống nhất là chị Ng vay tiền của vợ chồng chị Th, anh Ph để về cho vay lại với mức lãi suất cao hơn để kiếm chênh lệch nhằm lấy tiền tiêu dùng, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình chị, việc này anh Th biết nhưng không phản đối gì, mặt khác vào ngày 19/5/2016 âm lịch vợ chồng chị Ng và anh Th cùng đi vay tiền của vợ chồng chị Th, anh Ph (Bút lục 17) nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định số tiền 62.000.000đồng (Sáu mươi hai triệu đông) là nợ chung vợ chồng chị Cao Thị Ng, anh Phạm Th đối với vợ chồng chị Th, anh Ph nên vợ chồng chị Thanh và anh Phúc kiện yêu cầu vợ chồng chị Nguyện, anh Thành trả nợ cho vợ chồng anh chị Th, anh Ph tiền 62.000.000đồng (Sáu mươi hai triệu đông) nợ gốc là có căn cứ để chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về khoản tiền lãi: Tại phiên tòa hôm nay hai bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án vợ chồng chị Ng, anh Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên ở trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 463, 466 BLDS năm 2015; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Buộc vợ chồng chị Cao Thị Ng, anh Phạm Th có nghĩa vụ trả nợ tiền vay cho vợ chồng chị Trần Thị Th, anh Võ Phú Ph 62.000.000 đồng (Sáu mươi hai triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: vợ chồng chị Cao Thị Ng, anh Phạm Th phải nộp 3.100.000 đồng (Ba triệu, một trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Trần Thị Th 2.275.000đồng (Hai triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) mà chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0002410 ngày 27/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chậm thực hiên nghĩa vụ trả tiền thì trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Nguyên đơn vợ chồng chị Trần Thị Th, anh Võ Phú Ph, bị đơn vợ chồng chị Cao Thị Ng, anh Phạm Th có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/11/2018).

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Q;*
- *VKSND huyện B;*
- *Chi cục THADS huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Viết Tiến